Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN
Chương: 420

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	**Tổng số thu**	**582.046.516.000**	**271.023.393.322**	**46,56%**	**114,55%**
1	**Ngân sách Nhà nước**				
2	**Dịch vụ y tế**	**505.478.941.000**	**234.798.564.825**	**46,45%**	**115,64%**
3	**Thu khác (hoạt động dịch vụ)**	**76.567.575.000**	**36.224.828.497**	**47,31%**	**107,98%**
II	**Tổng chi**	**582.046.516.000**	**248.313.454.555**	**42,66%**	**115,74%**
A	**Tổng chi thường xuyên**	**581.620.721.000**	**247.805.981.051**	**42,61%**	**115,76%**
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	**113.653.504.000**	**88.456.051.040**	**77,83%**	**123,01%**
1	Tiền lương	39.604.624.000	28.169.661.009	71,13%	128,72%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	10.640.739.000	7.934.675.685	74,57%	113,33%
3	Phụ cấp lương	52.544.882.000	43.915.614.450	83,58%	120,95%
4	Tiền thưởng	728.525.000	-		
5	Phúc lợi tập thể	25.308.000	7.870.000	31,10%	91,48%
6	Các khoản đóng góp	10.062.053.000	8.428.229.896	83,76%	126,55%
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	47.373.000	-	0,00%	0,00%
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	**463.694.609.000**	**152.431.492.649**	**32,87%**	**112,65%**
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.666.497.000	6.755.924.325	69,89%	114,80%
9	Vật tư văn phòng	4.375.674.000	1.947.573.132	44,51%	110,79%
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	840.151.000	598.277.102	71,21%	102,66%
11	Hội nghị	-	-		
12	Công tác phí	476.155.000	212.918.000	44,72%	233,27%
13	Chi phí thuê mướn	10.315.157.000	1.521.085.167	14,75%	96,68%
14	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	12.856.269.000	1.829.907.692	14,23%	98,76%
15	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	12.206.000.000	1.513.832.157	12,40%	104,62%
16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	412.945.796.000	138.051.975.074	33,43%	113,05%
17	Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
18	Chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	12.910.000	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	**4.272.608.000**	**6.918.437.362**	**161,93%**	**101,13%**
19	Chi khác	3.882.082.000	6.533.505.832	168,30%	96,33%
20	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	-		
21	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	390.526.000	384.931.530	98,57%	656,03%
B	**Trích bổ sung chi lương**	**425.795.000**	**507.473.504**	**119,18%**	**104,41%**

Nơi nhận:
- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVT;
- Lưu TCKT.

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 7 năm 2024

Người lập bảng	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Nguyễn Kiều My	Phan Thụy Thu Vân	Lê Huy Thạch